

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2451/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin (Định hướng nghề nghiệp) <i>Management Information System</i> (Career Oriented Program)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Hệ thống thông tin quản lý
Mã ngành:	7340405
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

- Chương trình đào tạo Quản trị Hệ thống thông tin định hướng nghề nghiệp, ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học, đào tạo bằng tiếng Việt đã được bổ sung gần đây nhất theo quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.
- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đào tạo đã có những cập nhật cải tiến như sau đối với chương trình hiện hành:
 - Về mục tiêu của chương trình đào tạo: Đã xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể sát với thực tế, đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Hệ thống thông tin quản lý.
 - Về chuẩn đầu ra: Đã chuẩn hóa lại các chuẩn đầu ra đúng quy định. Các chuẩn đầu ra được chia thành 04 nhóm: Chuẩn đầu ra về kiến thức, Chuẩn đầu ra về kỹ năng, Chuẩn đầu ra về tự chủ, tự chịu trách nhiệm và Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; bao gồm 09 PLO được viết ngắn gọn, sát với mục tiêu của chương trình đào tạo.
 - Về chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo theo khung chương trình đào tạo của Nhà trường quy định nhưng có thay đổi một số học phần cho sát với tình hình thực tế và mục tiêu của chương trình đào tạo. Cụ thể:
 - Khối kiến thức giáo dục đại cương: Không thay đổi phần bắt buộc; có thay đổi phần tự chọn thu gọn theo tỷ lệ 1:2 còn 02 học phần
 - Khối kiến thức cơ sở ngành: Không thay đổi phần bắt buộc, phần tự chọn thu gọn theo tỷ lệ 1:2 còn 04 học phần
 - Khối kiến thức ngành (Bao gồm chuyên ngành): Đối với các học phần bắt buộc

không đổi về số tín chỉ, chỉ có sự thay đổi học phần *Hành vi khách hàng* chuyển xuống thành tự chọn và đổi học phần *An toàn và bảo mật thông tin* lên nhóm học phần bắt buộc.

- *Khối kiến thức bổ trợ*: Không thay đổi các học phần bắt buộc, học phần tự chọn có thay đổi học phần thu gọn còn 04 học phần theo tỷ lệ 1:2
- *Đối với nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học*: Không thay đổi
- *Về hướng dẫn thực hiện chương trình*: Chi tiết và cụ thể theo từng học kỳ theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo.
- *Về căn cứ để thay đổi và cập nhật*: Chương trình đào tạo có tham khảo các Chương trình đào tạo trong nước và quốc tế, ngoài ra, Chương trình đào tạo có dựa trên số liệu khảo sát và mục tiêu phát triển lực lượng lao động số của Đề án “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” được Thủ tướng Phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020; Số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin - điện tử, viễn thông theo “*Sách trắng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2023*” của Bộ thông tin và Truyền thông vào tháng 12 năm 2023; Số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực thương mại điện tử theo “*Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2023*” của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công thương vào tháng 1 năm 2024; Số liệu khảo sát về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của ngành Hệ thống thông tin quản lý và Số liệu từ phiếu khảo sát về Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo mới hiện nay.

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân định hướng nghề nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý có đủ phẩm chất đạo đức và chính trị, có khả năng chuyên môn về phân tích, tư vấn, thiết kế, xây dựng, tổ chức và triển khai các giải pháp phần mềm trong các hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số và thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Quản trị hệ thống thông tin định hướng nghề nghiệp, ngành Hệ thống thông tin quản lý có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành chuyên viên phân tích nghiệp vụ, phân tích và thiết kế trong hệ thống thông tin của các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước;
- Trở thành chuyên viên kiểm thử phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm trong các dự án công nghệ thông tin;
- Trở thành chuyên viên phân tích, thiết kế, xây dựng và triển khai các ứng dụng Web và thương mại điện tử;
- Trở thành chuyên viên lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước;
- Trở thành chuyên viên khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong các doanh nghiệp, tổ chức

và cơ quan Nhà nước;

- Có khả năng khởi nghiệp các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc có thể giảng dạy, đào tạo tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo về Hệ thống thông tin quản lý.

2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

2.1. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1): Nắm bắt các kiến thức nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam và thế giới.

(PLO2): Có năng lực về quy trình nghiệp vụ, khảo sát, phân tích, thiết kế để xây dựng và quản trị dự án công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO3): Có năng lực về kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm để xây dựng-quy trình xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO4): Có năng lực về hệ thống thông tin để tổ chức, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO5): Có kỹ năng tổ chức, khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO6): Có thể sử dụng thành thạo một công cụ hiện đại trong thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng Web và thương mại điện tử.

(PLO7): Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp kinh doanh, kỹ năng thuyết trình, phản biện, phát hiện và giải quyết vấn đề; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc thay đổi và khả năng khởi nghiệp với các ứng dụng công nghệ thông tin.

2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

(PLO8): Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu nâng cao trình độ suốt đời; có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới, vượt khó vươn lên trong công việc và đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tại nơi làm việc; có tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

(PLO9): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Thương mại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ): 131 TC. Trong đó, 120 TC học tập và tốt nghiệp và 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/ Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;
- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	CÁU TRÚC (LT, TH/TL, BCTT)
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		37	
1.1	Giáo dục đại cương		26	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		24	
1	Triết học Mác – Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMIO111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMIO131	2	21,18
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Xã hội học đại cương	RLCP0421	2	24,12
2	Kinh tế thương mại đại cương	TECO2911	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	
1.2.2	Học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2TC trong số các HP sau:</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	
3	Cầu lông	GDTC0521	1	

4	Bóng bàn	GDTC1621	1	
5	Cờ vua	GDTC1721	1	
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	
1.3.	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		94	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		29	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		24	
1	Kinh tế học	MIEC0821	3	36,18
2	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
3	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
4	Cơ sở toán học cho tin học	ECIT2321	3	36,18
5	Lập trình với Python	INFO4511	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
8	Mạng máy tính và truyền thông	eCIT2421	2	24,12
9	Hệ thống thông tin quản lý	eCIT0311	3	36,18
2.1.2.	Các học phần tự chọn		5	
	<i>Chọn 5 TC trong các HP sau:</i>			
1	Lập trình hướng đối tượng	INFO4111	2	24,12
2	Kỹ thuật sử dụng SQL Server	INFO4011	2	0,60
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	AMAT0111	3	36,18
4	Quản trị Thương mại điện tử 1	eCOM2011	3	36,18
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		45	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		37	
1	Phân tích nghiệp vụ phần mềm	eCIT2611	3	36,18
2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	INFO2511	3	36,18
3	Các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp	INFO2911	3	36,18
4	Quản trị dự án Công nghệ thông tin	eCIT2811	3	36,18
5	Kiểm thử phần mềm	eCIT3021	3	36,18
6	Thiết kế và triển khai ứng dụng Web	eCIT5211	3	36,18
7	Thực hành thiết kế và triển khai ứng dụng Web với PHP (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3011	3	0,90
8	Quản trị Cơ sở dữ liệu	eCIT2521	3	36,18
9	An toàn và bảo mật thông tin	eCIT0921	3	36,18
10	Đảm bảo chất lượng phần mềm (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3111	3	0,90

11	Truyền thông kinh doanh	eCIT0211	2	24,12
12	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	INFO2111	2	24,12
13	Đồ họa ứng dụng (Định hướng nghề nghiệp)	INFO3021	3	0,90
2.2.2.	Các học phần tự chọn		8	
	<i>Chọn 8 TC thuộc 1 trong 3 nhóm sau:</i>			
Nhóm 1	<i>Nhóm cho thiết kế và triển khai</i>			
	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
	Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu (Định hướng nghề nghiệp)	INFO5041	3	0,90
	Triển khai hệ thống thông tin (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3311	3	0,90
Nhóm 2	<i>Nhóm cho Tester</i>			
	Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3411	2	0,60
	Thực hành kiểm thử phần mềm tự động (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3511	3	0,90
	Hành vi khách hàng	BMKT3811	3	36,18
Nhóm 3	<i>Nhóm cho BA và tham gia xây dựng dự án</i>			
	Thực hành các công cụ quản trị dự án (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3711	2	0,60
	Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure (Định hướng nghề nghiệp)	eCIT3811	3	0,90
	Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Định hướng nghề nghiệp)	INFO2811	3	0,90
2.3.	Kiến thức bổ trợ		10	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		5	
1	Nguyên lý kế toán	ACCP0111	3	36,18
2	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
2.3.2.	Các học phần tự chọn		5	
	<i>Chọn 5 TC trong các HP sau:</i>			
1	Quản trị hành chính văn phòng	CEMG2431	2	24,12
2	Quản trị rủi ro	BMGM0411	2	24,12
3	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
4	Quản trị nhân lực căn bản	CEMG0111	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPI1411	3	0,90
2	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp	LVVI1811	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.
- Có 01 học phần đánh giá bằng thi trắc nghiệm khách quan trên máy, có 03 học phần chuyên ngành sử dụng phương pháp đánh giá bằng bài tập dự án
- Các học phần có ghi chú “Định hướng nghề nghiệp” là các học phần học tại các doanh nghiệp đối tác hoặc chuyên gia từ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo
- Các học phần tự chọn nhóm 2.2.2. được nhóm theo các vị trí nghề nghiệp chuyên sâu

7.2. Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo được đề trong Phụ lục 1. (Không tính 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình


TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9 – 11 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	2 - 4 TC
		Tổng cộng	11 - 15 TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6 – 8 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6 – 8 TC
		GDTC	3 TC
		Tổng cộng	15 - 19 TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	2 - 4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	14 - 15 TC
		Tổng cộng	16 - 19 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6 – 8 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3 - 6 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	6 - 8 TC
		Tổng cộng	15 - 22 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	3 - 4 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	15 - 18 TC
		Tổng cộng	18 – 22 TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	3 - 6 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	8 - 10 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	3 TC

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		Tổng cộng	14 - 21 TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	14 - 16 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	2 TC
		Tổng cộng	16 - 18 TC
9	KỶ VIII	Thực tập và làm tốt nghiệp cuối khóa	10 TC
10	TỔNG CỘNG		131 TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

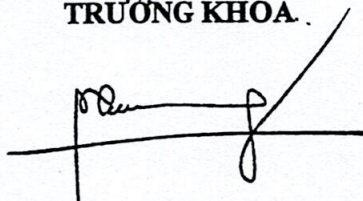
Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. NGUYỄN HOÀNG

TRƯỞNG KHOA



PGS, TS. NGUYỄN TRẦN HƯNG

PHỤ LỤC
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN (ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP)

1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức giáo dục đại cương

1, Triết học Mác – Lênin [MLNP0221] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2, Chủ nghĩa xã hội khoa học [HCM10121] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phân biệt những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

3, Tư tưởng Hồ Chí Minh [HCM10111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển

của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin [RLCP1211] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

Mô tả tóm tắt: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [HCM10131] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mô tả tóm tắt: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6, Pháp luật đại cương [TLAW0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

7, Tiếng Anh 1 [ENTH1411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kỹ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

8, Tiếng Anh 2 [ENTH1511] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ,... Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.

Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9, Tiếng Anh 3 [ENTH1611] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương g lai.

Mô tả tóm tắt nội dung: Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên

quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình

10, Toán đại cương [AMAT1011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

11, Phương pháp nghiên cứu khoa học [SCRE0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

1.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương

1, Xã hội học đại cương [RLCP0421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

Mô tả tóm tắt: Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội

học đô thị, Xã hội học quản lý.

2, Kinh tế thương mại đại cương [TECO0111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

Mô tả tóm tắt: Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

2. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CƠ SỞ NGÀNH

2.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành

1, Kinh tế học [MIEC0821] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phân khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

2, Thương mại điện tử căn bản [PCOM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần thương mại điện tử căn bản cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những nguyên lý căn bản của thương mại điện tử, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành thương mại điện tử và các ngành khác.

Mô tả tóm tắt: Học phần TMĐT căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT.

3, Quản trị học [BMGM0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

4, Cơ sở toán học cho tin học [ECIT2321] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở toán học cho tin học và phương pháp cài đặt một số thuật toán để từ đó vận dụng vào giải các bài toán trong tin học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, tư duy sáng tạo chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc trong thực tế.

Mô tả học phần: Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

5, Lập trình với Python [INFO4511] (3 tín chỉ)

Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình, nắm bắt một số nguyên tắc lập trình cơ bản với ngôn ngữ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin.

Mô tả học phần: Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.

6, Tiếng Anh thương mại 1 [ENTI3311] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate).

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội

dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

7, Tiếng Anh thương mại 2 [ENTI3411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trên trung cấp (upper-intermediate) để có thể giao tiếp thành thực bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.

Mô tả tóm tắt: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

8, Mạng máy tính và truyền thông [eCIT2421] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.

Mô tả tóm tắt: Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

9, Hệ thống thông tin quản lý [eCIT0311] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, về hạ tầng công nghệ thông tin và các nguyên tắc trong lựa chọn ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Giới thiệu cơ bản về phát triển và quản trị hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, đi sâu vào giới thiệu, phân tích về các hệ thống thông tin quản lý phổ biến được ứng dụng trong các tổ chức, doanh nghiệp hiện nay như các hệ thống thông tin ERP, CRM, SCM, HRM, v.v.

Mô tả tóm tắt: Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ

bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành

1, Lập trình hướng đối tượng [INFO4111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu và phân tích được các kiến thức về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể là ngôn ngữ Python, và một công cụ lập trình hỗ trợ ngôn ngữ Python để có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản cho một số bài toán quản lý thực tế.

Mô tả học phần: Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa,... cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java

2, Kỹ thuật sử dụng SQL Server [INFO4011] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nắm được các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; tổ chức và cài đặt cơ sở dữ liệu trong SQL Server, các nhóm lệnh tạo lập và khai thác CSDL trong hệ quản trị SQL Server như các cấu trúc, khóa, ràng buộc, thủ tục, trigger, Sinh viên biết cài đặt cơ sở dữ liệu trong SQL Server; khai thác khai thác CSDL qua các truy vấn, xây dựng các hàm, thủ tục và trigger cơ bản cho CSDL.

Mô tả học phần: Học phần Kỹ thuật sử dụng SQL Server là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Sinh viên nên (không bắt buộc) học học phần cơ sở dữ liệu trước khi học môn học này. Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai thác CSDL cụ thể như: tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

3, Lý thuyết xác suất và thống kê toán [AMAT0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.

Mô tả học phần: Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung:

Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học. Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

4, Quản trị thương mại điện tử 1 [ECOM2011] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử ngành Thương mại điện tử những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cách lựa chọn mô hình bán lẻ trực tuyến, tổ chức bán lẻ trực tuyến, quản trị và bán hàng qua website TMĐT, bán hàng qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng, và quản trị mối quan hệ khách hàng mua lẻ trực tuyến. Kỹ năng quản trị bán hàng, bao gồm bán lẻ trực tuyến và bán lẻ truyền thống, kỹ năng quản trị vận hành một cửa hàng điện tử.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch marketing trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

3. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH (BAO GỒM CHUYÊN NGÀNH)

3.1. Các học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)

1, Phân tích nghiệp vụ phần mềm [ECIT2611] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản, các góc nhìn khác nhau về phân tích nghiệp vụ phần mềm, các kỹ năng cần thiết, kỹ thuật phổ biến nhất được sử dụng trong thực hành phân tích nghiệp vụ phần mềm nhằm giúp cho người học hiểu, phân tích, đánh giá được các yêu cầu về nghiệp vụ phần mềm, thực hành hiệu quả phân tích nghiệp vụ khi xây dựng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên có thể phân tích được các nghiệp vụ gắn với phần mềm quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của tổ chức/doanh nghiệp: Hiểu được kiến thức về khai thác, phân tích và quản lý phần mềm; Đánh giá các giải pháp phần mềm đáp ứng chiến lược hoạt động, kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như: Kỹ thuật thu thập yêu cầu (phỏng vấn, trao đổi nhóm tập trung, thu thập tài liệu, thu thập yêu cầu Agile); Kỹ thuật phân tích và mô hình hóa mô hình kinh doanh (mô hình phân cấp tổ chức, sơ đồ các bên liên quan, sơ đồ luồng, sơ đồ ca sử dụng...) và mô hình kỹ thuật (sơ đồ bố trí cảnh hệ thống, sơ đồ luồng dữ liệu DFD, sơ đồ trạng thái, sơ đồ thực thể liên kết ERD...). Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, yêu cầu và đề xuất giải pháp cho ứng dụng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý của tổ chức doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức về phương pháp, công cụ, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm và những kỹ năng cần thiết để phân tích nghiệp vụ một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm qua đó thấy được vai trò sự phù hợp của các phương pháp phân tích nghiệp vụ phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn phân tích nghiệp vụ, thu thập và phân tích yêu cầu, công việc của nhân viên phân tích nghiệp vụ. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp khám phá, thu thập yêu cầu, những kỹ thuật phân tích yêu cầu và mô hình hóa được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp

sản xuất và gia công phần mềm. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật đặc tả và tài liệu đặc tả yêu cầu cho một dự án phần mềm và việc quản lý thay đổi yêu cầu cùng quá trình phê duyệt yêu cầu cho dự án.

2, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin [INFO2511] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và giới thiệu một số công cụ hỗ trợ xây dựng tài liệu phân tích và thiết kế cho các dự án công nghệ thông tin. Người học có kiến thức chuyên sâu cho người học về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và cấu trúc của một tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có kỹ năng lập kế hoạch, lựa chọn công cụ, kỹ năng xây dựng các lược đồ và viết tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo trong phân tích và thiết kế, chịu trách nhiệm với dự án và có đạo đức nghề nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

3, Các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp [INFO2911] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Hiểu và nắm bắt được các hệ thống phổ biến trong doanh nghiệp; Sinh viên có khả năng vận dụng thực hành các chức năng cơ bản trong một số hệ thống thông tin doanh nghiệp; Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các nghiệp vụ cơ bản của các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Bao gồm nghiệp vụ trong các hệ thống thông tin theo quy mô tích hợp như ERP, CRM, SCM, ... nghiệp vụ trong các hệ thống thông tin theo thông tin đầu ra như hệ thống thông tin kế toán, nhân sự, bán hàng, marketing, ... nghiệp vụ trong một số hệ thống thông tin theo mức độ quản lý như hệ hỗ trợ ra quyết định, hệ chuyên gia, hệ thống dự báo, ...

4, Quản trị dự án Công nghệ thông tin [eCIT2811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức về các phương pháp Quản trị dự án công nghệ thông tin. Nắm được các bước lập kế hoạch thực hiện dự án, triển khai các giai đoạn của dự án như: xác định công việc, quản lý tài nguyên, tính toán chi phí, giám sát thực hiện, đánh giá tiến độ, chất lượng và rủi ro của dự án. Người học hiểu và phân tích được các bước thực hiện một dự án công nghệ thông tin; vận dụng trong việc triển khai lập kế hoạch và kiểm soát các bước thực hiện dự án công nghệ thông tin, vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án công nghệ thông tin trên một số phần mềm ứng dụng. Có khả năng theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án, tính toán được chi phí dự án, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cũng như những rủi ro của dự án. Có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người

học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

5, Kiểm thử phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm, cho phép người học đánh giá và hiểu rõ các rủi ro khi thực thi phần mềm, nhằm tránh những lỗi phát sinh trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm. Học phần giới thiệu những kiến thức chung về vòng đời phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm. Học phần tích chi tiết các công cụ, kỹ thuật trong kiểm thử để người học có thể thiết kế ca kiểm thử và tiến hành kiểm thử trên phần mềm thực. Sinh viên phân tích được vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, sinh viên có kỹ năng thực hiện các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp phương pháp, công cụ, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn kiểm thử phần mềm, công việc của người kiểm thử, nội dung kiểm thử tương ứng với từng giai đoạn xây dựng phần mềm. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp

6, Thiết kế và triển khai ứng dụng Web [ECIT5211] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của hệ thống Web và quy trình chung để triển khai Web cho doanh nghiệp. Cung cấp khái niệm cơ bản về mạng Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Giới thiệu một số công cụ thiết kế đồ họa, thiết kế nội dung hiển thị trên giao diện của website. Trình bày qui trình triển khai, nâng cấp, bảo trì và các phương thức quảng bá website trên các kênh truyền thông.

Mô tả tóm tắt: Học phần Thiết kế và triển khai ứng dụng Web cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện

cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp..

7, Thực hành thiết kế và triển khai ứng dụng Web với PHP* [eCIT3011] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản thực hành phát triển các ứng dụng web trên môi trường PHP. Khai thác thế mạnh của ngôn ngữ lập trình PHP trong việc phát triển website. Giúp sinh viên nắm được các chức năng và cách tạo các điều khiển PHP server control; kết nối và thao tác với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu: SQL Server, MS Access...; vận dụng các kiến thức đã học để phát triển một ứng dụng web. Đây là một học phần quan trọng, thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành Hệ thống thông tin quản lý

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng hợp về lập trình ứng dụng Web, các thao tác kết nối và làm việc với cơ sở dữ liệu, kỹ năng phân tích thiết kế ứng dụng Web bao gồm thiết kế giao diện, thiết kế chương trình, thiết kế cơ sở dữ liệu. Cung cấp cho người học các quy trình và cách thức tổ chức và triển khai một ứng dụng Web trên nền tảng Internet. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học cách thức tiếp cận môi trường phát triển các ứng dụng web trên nền tảng PHP để xây dựng một ứng dụng web cụ thể cho các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức, các công ty, các trường học...

8, Quản trị cơ sở dữ liệu [ECIT2711] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết về tổ chức, khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) trên máy tính và phương pháp để quản trị CSDL. Sinh viên nắm được các kiến thức về CSDL như các mô hình dữ liệu, thiết kế CSDL quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản trong quản trị CSDL; Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị CSDL; Các chuẩn của hệ CSDL cùng với các yêu cầu cài đặt tương ứng và giải thích thích được các hoạt động quản trị CSDL như: sao lưu, phục hồi, toàn vẹn và bảo mật CSDL,... Sinh viên có khả năng sử dụng các chức năng cơ bản của hệ quản trị SQL Server để quản trị CSDL và có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình kết hợp với hệ quản trị SQL Server để khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong một bài toán quản lý cụ thể.

Mô tả tóm tắt: Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

9, An toàn và bảo mật thông tin [eCIT0921] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet. Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của

tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet. Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.

Mô tả tóm tắt: Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

10, Đảm bảo chất lượng phần mềm *[eCIT3111] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động đảm bảo chất lượng phần mềm. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy trình quản lý, đảm bảo, đánh giá chất lượng phần mềm, các chuẩn thể giới liên quan đến chất lượng phần mềm cũng như những công cụ để hiện thực những quy trình đó.

Mô tả học phần: Học phần Đảm bảo chất lượng phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đảm bảo chất lượng phần mềm (Software Quality Assurance-SQA) là hết sức quan trọng trong quá trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng phần mềm, đảm bảo chất lượng trong một dự án phát triển phần mềm, qui trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm, ... Từ đó, người học có thể hiểu được cách thức xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm và vai trò của những thành viên trong hệ thống. Một số chuẩn đảm bảo chất lượng cũng được giới thiệu trong học phần và cập nhật theo các bộ tiêu chuẩn mới nhất.

11, Truyền thông kinh doanh [eCIT0211] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông kinh doanh như: dữ liệu, thông tin, thông tin kinh doanh, các nguyên tắc và các công cụ truyền thông. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học nắm được các loại hình truyền thông khác nhau, biết cách áp dụng những nguyên tắc truyền thông trong các hoàn cảnh khác nhau, ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện các dự án truyền thông, biết cách giải quyết các khủng hoảng gặp phải trong truyền thông.

Mô tả học phần: Học phần Truyền thông kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp các phương pháp và kỹ thuật trong truyền thông kinh doanh bao gồm: Các quy trình chia sẻ thông tin, các kênh truyền thông nội bộ và bên ngoài, cách thức và công cụ hỗ trợ trong: Trình bày các lựa chọn, các ý tưởng, lập kế hoạch và đề xuất, thực thi các giải pháp, phương pháp đàm phán, gửi và hoàn thành các yêu cầu với đối tác, cách thức trình diễn, mô phỏng và viết bài trình bày.

12, Khai phá dữ liệu trong kinh doanh [INFO2111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Sinh viên phân tích được các thông tin thông qua các công cụ khai phá như cây quyết định; luật kết hợp, hồi quy tuyến tính, hoặc công cụ kinh doanh thông minh BI (Business Intelligence). Sinh viên có khả năng vận dụng một số công cụ khai phá dữ liệu để rút trích thông tin, tạo ra các báo cáo đa chiều, dự báo thông tin kinh doanh,...

Mô tả học phần: Học phần Khai phá dữ liệu trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ khai phá BI (Business Intelligence) của SQL server. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình khai phá dữ liệu nói chung, các bước để tiến hành việc làm sạch dữ liệu, sử dụng công cụ để tìm kiếm và rút trích các thông tin có ích từ kho dữ liệu để phục vụ các mục đích khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh.

13, Đồ họa ứng dụng * [INFO 3021] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Sinh viên nắm được các kiến thức nâng cao của phần mềm Corel Draw để có thể thiết kế các sản phẩm đồ họa có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, các kiến thức bao gồm: thiết kế các sản phẩm hàng hóa; các sản phẩm thời trang; các mẫu quảng cáo và kỹ năng tạo trang bìa sách, truyện, tạp chí; Sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ năng nâng cao trong thiết kế các sản phẩm đồ họa bởi phần mềm Corel Draw như: Kỹ năng thiết kế các sản phẩm hàng hóa; các sản phẩm thời trang; các mẫu quảng cáo và kỹ năng tạo trang bìa sách, truyện, tạp chí có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin kinh tế thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần cung cấp các kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao của một số phần mềm xử lý ảnh như Photoshop, Corel Draw, ... được áp dụng để thiết kế các sản phẩm đồ họa, thiết kế giao diện cho các ứng dụng trong các dự án công nghệ thông tin của các doanh nghiệp, tổ chức như: logo sản phẩm, hàng hóa; mẫu thời trang, quảng cáo; trang bìa; truyện tranh; sách, và tạp chí.

3.2. Các học phần tự chọn khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)

1, Chuyển đổi số trong kinh doanh [PCOM1111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển đổi số: Các khái niệm, các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số cho doanh nghiệp; Tìm hiểu về các yếu tố để doanh nghiệp chuyển đổi số thành công; Nghiên cứu về các công đoạn triển khai công nghệ số trong kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên các nội dung chính, các khối kiến thức cơ bản về chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên vận dụng khối kiến thức đã học để lập kế hoạch cho một số dự án số hóa cơ bản cho doanh nghiệp; Chọn lựa được các phương pháp và công cụ phù hợp để triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể chủ động đề xuất các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với các điều kiện thực tế tại doanh nghiệp; Có khả năng giải quyết một số vấn đề cơ bản trong quá trình triển khai chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm chuyển đổi số, quy trình và các khía cạnh trong quá trình chuyển đổi số trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung về: Chuyển đổi số, đề án chuyển đổi số quốc gia, quy trình chuyển đổi số trong tổ chức, các vấn đề gặp phải trong quá trình chuyển đổi số, lựa chọn và những lưu ý trong quá trình chuyển đổi số.

2, Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu [INFO5041] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp để xây dựng, quản lý, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL). Sinh viên có khả năng xây dựng CSDL và quản trị CSDL với hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server. Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ trong hệ quản trị CSDL SQL Server để quản trị một CSDL đã cho. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên nên học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server hoặc Oracle. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

3, Triển khai hệ thống thông tin * [eCIT3311] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triển khai hệ thống thông tin. Học phần phân tích chi tiết các giai đoạn trong quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp qua đó qua đó người học có thể xác định được các yêu cầu, áp dụng quy trình để hoàn thiện quá trình triển khai một hệ thống thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu được quy trình triển khai một hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức về Cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ để triển khai HTTT cho doanh nghiệp.

Mô tả tóm tắt: Học phần Triển khai hệ thống thông tin cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho người học để triển khai được một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để triển khai một hệ thống thông tin bao gồm: Lựa chọn thời điểm, lập kế hoạch nhân sự, lựa chọn đối tác, truyền thông, thống nhất quy trình, các chức năng, cách thức chuyển đổi cơ sở dữ liệu, tiến hành cài đặt, tối ưu trải nghiệm người dùng trên hệ thống, khai thác và bảo trì. Học phần giúp sinh viên thực hiện một quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp, bao gồm các bước: Chuẩn bị dự án; Khảo sát; Xây dựng quy trình nghiệp vụ chuẩn và hệ thống chi tiêu chuẩn; Phân tích thiết kế hệ thống; Phát triển chỉnh sửa hệ thống; Triển khai (Cài đặt, đào tạo); Vận hành hệ thống; Nghiệm thu hệ thống; Bảo hành và hỗ trợ.

4, Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công * [eCIT3411] (2 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử thủ công thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này tập trung vào hoạt động kiểm thử thủ công, cung cấp kiến thức cơ bản và các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử thủ công cho từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, API, hiệu năng cũng như cho các mức đơn vị, hệ con và hệ thống tổng thể.

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm được thực hiện thủ công và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế và mô tả các ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử thủ công, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành

cho hoạt động kiểm thử thủ công từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, API, hiệu năng cũng như kiểm thử tổng thể hệ thống. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

5, Thực hành kiểm thử phần mềm tự động * [eCIT3511] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử tự động thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này tập trung vào hoạt động kiểm thử tự động, cung cấp kiến thức cơ bản và các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử tự động cho từng loại ứng dụng như ứng dụng Web, ứng dụng di động và ứng dụng Desktop. Ngoài ra, học phần cũng đi sâu hơn vào hoạt động kiểm thử cho hai phần của ứng dụng, đó là API và hiệu năng của ứng dụng.

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm được thực hiện tự động và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế và mô tả các ca kiểm thử, viết kịch bản kiểm thử, thực hiện kiểm thử tự động, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành cho hoạt động kiểm thử tự động cho mỗi loại phần mềm như ứng dụng Web, ứng dụng di động và ứng dụng Desktop. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những loại dự án phần mềm thực tế tương ứng tại doanh nghiệp.

6, Hành vi khách hàng [BMKT3811] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng; Phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi; Sinh viên có khả năng vận dụng và phân tích đặc điểm hành vi khách hàng người tiêu dùng và các giai đoạn trong qui trình quyết định mua sắm; có khả năng vận dụng và phân tích đặc điểm hành vi khách hàng tổ chức.

Mô tả học phần: Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cũng cấp các nội dung liên quan đến việc xác định nội dung cơ bản về Hành vi khách hàng, phân tích được các yếu tố liên quan đến hành vi khách hàng, sinh viên trên cơ sở đó có thể vận dụng để phục vụ cho việc phân tích yêu cầu của khách hàng, phân tích các nghiệp vụ và hỗ trợ trong quá trình tư vấn, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong tổ chức.

7, Thực hành các công cụ quản trị dự án *[eCIT3711] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án công nghệ thông tin và công cụ Microsoft (MS) Project hoặc một số công cụ phù hợp khác để lập và quản lý các dự án công nghệ thông tin. Học phần cung cấp kiến thức về quy trình xây dựng kế

hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin bằng công cụ phần mềm. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm được từng bước tạo và quản lý dự án, thiết lập và quản lý tài nguyên thực hiện các công việc của dự án, giám sát quá trình thực hiện qua các biểu đồ trực quan trên phần mềm. Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá tổng quát về chất lượng dự án, tính toán chi phí dự án cũng như đánh giá được các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quản lý dự án CNTT bằng các phương pháp khác nhau và thực hành quản lý dự án CNTT thực tế trực tiếp trên phần mềm MS Project. Học phần được tổ chức thành các bài thực hành cụ thể, sinh viên sẽ thực hiện tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các bài học được tổ chức thống nhất để người học sẽ thực hiện được lần lượt các công việc của quá trình tạo và quản lý dự án CNTT trên MS Project, bao gồm: tạo dự án, thiết lập các tác vụ của dự án và thời gian thực hiện các tác vụ, nhập vào các tài nguyên thực hiện dự án, giám sát quá trình thực hiện dự án qua các báo cáo và các biểu đồ cụ thể. Ngoài ra, người học cũng được thực hành các nghiệp vụ về quản lý chất lượng và quản lý các rủi ro khi thực hiện dự án, ... Sinh viên có thể tích hợp kiến thức của các học phần khác như Hệ thống thông tin quản lý để xây dựng và quản lý một dự án CNTT hoàn chỉnh.

8, Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure * [eCIT3811] – (3 tín chỉ - doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Axure trong thiết kế mô phỏng dự án công nghệ thông tin; Học phần cung cấp các kiến thức về phần mềm Axure ứng dụng trong thiết kế các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin; Sử dụng thành thạo phần mềm Axure trong thiết kế các mockup, prototype và wireframe

Mô tả học phần: Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Axure ứng dụng trong thiết kế các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin; Giúp sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm Axure trong thiết kế các mockup, prototype và wireframe

9, Các công cụ trực quan hóa dữ liệu *[INFO3811] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI. Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan. Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

Mô tả tóm tắt: Học phần Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng trong trực quan hóa dữ liệu thành các dạng đồ họa như là đồ thị, biểu đồ hay sử dụng các phương pháp, công cụ khác nhau để trực quan hóa và minh họa dữ liệu được tốt nhất. Người học được trang bị các kiến thức để biến các nguồn dữ liệu thành những thông tin được thể hiện một cách trực quan, dễ quan sát, dễ hiểu, để truyền đạt rõ ràng những hiểu biết đầy đủ từ dữ liệu đến người dùng.

4. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

4.1. Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ

1, Nguyên lý kế toán [ACCP0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế

toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.

Mô tả tóm tắt: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

2, Khởi sự kinh doanh [CEMG4111] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

Mô tả tóm tắt: Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

4.2. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ

1, Quản trị hành chính văn phòng [CEMG2431] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị hành chính văn phòng trong các tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyến đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

2, Quản trị rủi ro [BMGM0411] (2 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị rủi ro nhân lực và quản trị rủi ro tài sản. Giúp sinh viên có thêm kỹ năng vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập các học phần quản trị khác của chương trình đào tạo chuyên ngành và trong thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp. Tăng cường cho sinh viên về thái độ tự chủ, tích cực trong hoạt động học tập và công việc sau này

Mô tả học phần: Học phần Quản trị rủi ro cung cấp khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Cung cấp các kiến thức về nhận dạng và phân tích rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

3, Quản trị chiến lược [SMGM 0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường

xuyên thay đổi; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt; thái độ làm việc tích cực, ham học hỏi, ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.

Mô tả học phần: Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

4, Quản trị nhân lực căn bản [CEMG0111] (3 tín chỉ)

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phân biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

Mô tả tóm tắt: Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

5. THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP VÀ LÀM TỐT NGHIỆP KHÓA HỌC

1, Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp [REPI1411] (3 tín chỉ)

Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động, kinh doanh của đơn vị thực tập theo lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập theo phân công của đơn vị tiếp nhận thực tập để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập để đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2 - 3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12 - 15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

2, Thực tập và viết khóa luận nghiệp [LVVI1811] (7 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35-45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục). Khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo ngành HTTTQL, chuyên ngành QTHTTT theo định hướng nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm như: Đề cương chi tiết có phê duyệt của giảng viên hướng dẫn; Bản thảo nội dung khóa luận có bút tích sửa chữa của giảng viên hướng dẫn (được kẹp hoặc đóng lại thành 1 tập theo quy định của khoa quản lý); và 2 bản khóa luận chính thức được đóng theo quy định của khoa. Sinh viên tập hợp các sản phẩm trên vào 1 túi đựng, có ghi rõ Họ và Tên, mã sinh viên, giảng viên hướng dẫn và nộp cho bộ môn quản lý theo thời gian quy định. Khóa luận tốt nghiệp được tính là một học phần 7 tín chỉ.